

NGÂN HÀNG NHÀ  
NƯỚC  
Số: 121/2005/QĐ-NHNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 2 tháng 2 năm 2005

## QUYẾT ĐỊNH CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

### *Ban hành Quy chế về kiểm toán độc lập đối với các tổ chức tín dụng*

### THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Luật các tổ chức tín dụng ngày 12/12/1997;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 17/06/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 15/06/2004;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 15/11/2002 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 105/2004/NĐ-CP ngày 30/3/2004 của Chính phủ về kiểm toán độc lập;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Các Ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế về kiểm toán độc lập đối với các tổ chức tín dụng".

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế các văn bản: Quyết định số 322/1999/QĐ-NHNN5 ngày 14/9/1999 về việc ban hành Quy chế tổ chức thực hiện kiểm toán độc lập đối với các tổ chức tín dụng; Quyết định số 499/2000/NHNN5 ngày 05/12/2000 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức thực hiện kiểm toán độc lập đối với tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 322/1999/QĐ-NHNN5 ngày 14/9/1999 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Các Ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức tín dụng có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

## **QUY CHẾ**

### **VỀ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

*(Ban hành theo Quyết định số 121/2005/QĐ-NHNN ngày 02/02/2005*

*của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)*

## **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Đối tượng áp dụng:

Quy chế này quy định về kiểm toán độc lập đối với các tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam (gọi tắt là tổ chức tín dụng), gồm:

1. Tổ chức tín dụng Nhà nước (trừ Ngân hàng Chính sách xã hội).
2. Tổ chức tín dụng cổ phần.
3. Tổ chức tín dụng liên doanh.
4. Quỹ tín dụng nhân dân trung ương.
5. Tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài.
6. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

**Điều 2.** Phạm vi kiểm toán:

1. Báo cáo tài chính hàng năm của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 1 Quy chế này phải được kiểm toán bởi một doanh nghiệp kiểm toán độc lập đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam yêu cầu tổ chức tín dụng phải sử dụng một hoặc một số dịch vụ kiểm toán (kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ) khi xét thấy cần thiết trong một số trường hợp sau:

- a) Tổ chức tín dụng có nguy cơ lâm vào tình trạng kiểm soát đặc biệt.

- b) Tổ chức tín dụng được xem xét để công nhận thoát khỏi tình trạng kiểm soát đặc biệt.
- c) Trước khi tổ chức tín dụng tham gia niêm yết và phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng tại Trung tâm giao dịch chứng khoán hoặc Sở giao dịch chứng khoán.
- d) Tổ chức tín dụng được sáp nhập, bán lại hoặc hợp nhất.
- đ) Các trường hợp khác do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định.

## **Chương II**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 3.** Báo cáo tài chính hàng năm của tổ chức tín dụng phải được kiểm toán độc lập, gồm:

1. Bảng cân đối kế toán.
2. Báo cáo kết quả kinh doanh.
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
4. Các thuyết minh báo cáo tài chính.

**Điều 4.** Kết quả kiểm toán độc lập:

1. Kết quả kiểm toán độc lập đối với tổ chức tín dụng được thể hiện dưới hình thức: báo cáo kiểm toán và thư quản lý kèm những tài liệu, bằng chứng liên quan.
2. Báo cáo kiểm toán đối với tổ chức tín dụng phải tuân thủ các quy định tại: Nghị định số 105/2004/NĐ-CP ngày 30/3/2004 của Chính phủ về kiểm toán độc lập, chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (hoặc chuẩn mực kiểm toán quốc tế được thừa nhận tại Việt Nam) và các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam liên quan việc kiểm toán độc lập đối với tổ chức tín dụng.
3. Thư quản lý được kiểm toán viên hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán sử dụng để trình bày về những vấn đề, sự kiện cụ thể trong quá trình kiểm toán, gồm: hiện trạng thực tế, khả năng rủi ro, kiến nghị của kiểm toán viên và ý kiến của người quản lý của tổ chức tín dụng được kiểm toán liên quan đến sự kiện đó. Thư quản lý phải bao gồm các nội dung chính sau:
  - a) Phương pháp tiếp cận chung, phạm vi của cuộc kiểm toán và các yêu cầu cần bổ sung.

b) Đánh giá những thay đổi về các chính sách và thông lệ kế toán quan trọng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng.

c) Những rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến các báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng.

d) Các sai sót và yếu kém lớn trong hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, những nghi ngờ về tính trung thực của cán bộ quản lý và các hành vi gian lận của cán bộ, nhân viên của tổ chức tín dụng.

đ) Những đề xuất điều chỉnh của doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên đối với vụ việc, sự kiện (đã được tổ chức tín dụng hạch toán hoặc chưa hạch toán) đã hoặc có thể ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng.

e) Những ý kiến không thống nhất với Ban lãnh đạo tổ chức tín dụng về các vấn đề có thể ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính hoặc đến ý kiến của kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán. Kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán cần nêu rõ tình trạng giải quyết những ý kiến không thống nhất đó và mức độ ảnh hưởng của vấn đề.

g) Những vấn đề khác đã được thoả thuận trong hợp đồng kiểm toán.

4. Những tài liệu, bằng chứng liên quan đến nhận xét, kết luận, kiến nghị của kiểm toán viên hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán tại báo cáo kiểm toán và thư quản lý về những sai phạm, rủi ro và ý kiến của kiểm soát viên nội bộ của tổ chức tín dụng được kiểm toán phải được gửi kèm với báo cáo kiểm toán và thư quản lý.

**Điều 5.** Tiêu chuẩn, điều kiện lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán để thực hiện kiểm toán tổ chức tín dụng:

Ngoài việc đảm bảo tuân thủ các quy định tại Nghị định số 105/2004/NĐ-CP ngày 30/3/2004 của Chính phủ về kiểm toán độc lập và Thông tư số 64/2004/TT-BTC ngày 29/6/2004 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 105/2004/NĐ-CP ngày 30/3/2004, doanh nghiệp kiểm toán phải đảm bảo các điều kiện sau:

1. Có vốn điều lệ hoặc vốn chủ sở hữu từ 03 tỷ đồng trở lên đối với doanh nghiệp kiểm toán trong nước; Vốn điều lệ tối thiểu là 300.000 USD đối với doanh nghiệp